

Số: **08** /2017/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **21** tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định quản lý nhà nước
về Giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý Nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ 01 tháng 4 năm 2017, thay thế Quyết định số 11/2011/QĐ-UB ngày 09 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành qui định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

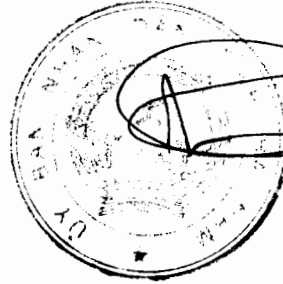
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để b/cáo);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, các CV liên quan;
- Phòng Công báo – Tin học;
- Website Hà Nam;
- Lưu: VT; KT.

QĐ 03/2017

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông

www.LuatVietnam.vn

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Kèm theo Quyết định số 08 /2017/QĐ-UBND

ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định một số nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá và cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về giá trên phạm vi toàn tỉnh theo phân cấp quản lý Nhà nước về giá và theo quy định của pháp luật.
3. Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan Nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Nội dung quản lý Nhà nước về giá

1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.
2. Tổ chức chỉ đạo thực hiện chính sách, biện pháp, quyết định về giá hàng hóa, dịch vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý chuyên ngành; tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của Chính phủ, quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ quản lý ngành liên quan; chủ động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.
3. Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; thẩm định giá tài sản của Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được pháp luật quy định.
4. Điều chỉnh giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ khi các yếu tố hình thành giá có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống nhân dân theo Luật giá và theo phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về giá của Chính phủ.
5. Tổ chức hiệp thương giá theo đề nghị của bên mua, bên bán khi các bên này không thỏa thuận được giá mua, giá bán để ký kết hợp đồng đối với những hàng hóa, dịch vụ quan trọng có tác động đến phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.
6. Hướng dẫn thực hiện đăng ký và kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định.
7. Tổ chức công tác thẩm định giá tài sản.

8. Kiểm tra yếu tố hình thành giá.

9. Kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh về việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác có liên quan đến quản lý Nhà nước về giá tại địa phương; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

10. Tổ chức theo dõi thông tin và báo cáo diễn biến giá cả thị trường.

11. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá.

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC 1. ĐỊNH GIÁ

Điều 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Giá các loại đất;
2. Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;
3. Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;
4. Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;
5. Giá nước sạch sinh hoạt;
6. Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;
7. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;
8. Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính phục vụ thu hồi, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động đất đai đối với tổ chức, hộ gia đình cá nhân; dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
9. Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

10. Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

11. Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển;

12. Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 4. Phân công trách nhiệm của các cơ quan trong việc xây dựng phương án giá, thẩm định, trình và quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 3 quyết định này do sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất, kinh doanh lập phương án giá gửi sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; riêng đối với việc thẩm định giá đất thì thực hiện theo quy định của Luật đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

2. Sở Tài chính:

a) Thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định khoản 1 điều này.

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và được sửa đổi tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Tỷ lệ phần trăm (%) làm cơ sở xác định đơn giá cho thuê đất, cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh; Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất); Đơn giá thuê mặt nước;

- Giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo các quy định khác.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Bảng giá các loại đất; bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn tỉnh;

- Hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất;

- Giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành;

- Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính phục vụ thu hồi, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động đất đai đối với tổ chức, hộ gia đình cá nhân.

- Giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo các quy định khác.

4. Sở Xây dựng xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách Nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

- Giá bồi thường nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng khác và di chuyển mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất;

- Giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo các quy định khác.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý;

- Giá các loại rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;

- Giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

- Giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo các quy định khác.

6. Sở Giao thông & Vận tải xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Giá dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

- Giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

- Giá dịch vụ xe ra, vào bến theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ;

- Giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo các quy định khác.

7. Sở Công thương xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;
- Giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo các quy định khác.

8. Sở Y tế:

- Xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ dịch vụ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo qui định của pháp luật về bảo hiểm y tế);
- Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo các quy định khác.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí);
- Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo các quy định khác.

MỤC 2. THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 5. Phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá nhà nước trong các trường hợp qui định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ, sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cụ thể như sau:

Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên có giá mua từ 100 triệu đồng trở lên/lần mua, mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, phải có ý kiến thẩm định của cơ quan tài chính.

Điều 6. Phân công trách nhiệm thẩm định giá

1. Sở Tài chính thông báo thẩm định giá của nhà nước đối với đơn vị dự toán cấp tỉnh:

a) Các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên theo quy định tại khoản 2, Điều 5 quy định này.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thông báo thẩm định giá của nhà nước đối với đơn vị dự toán cấp huyện, cấp xã:

a) Các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên theo quy định tại khoản 2, Điều 5 quy định này.

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên có giá trị không quá 100 triệu đồng/lần mua trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao, đối với hàng tài sản, hàng hóa, chuyên dùng đơn vị thuê doanh nghiệp thẩm định giá trước khi quyết định.

Điều 7. Trình tự, thủ tục và chi phí thẩm định giá của nhà nước

Thực hiện theo Mục 4 Chương II Nghị định số 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 38/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

MỤC 3. BÌNH ỔN GIÁ, ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI GIÁ

Điều 8. Bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy định tại Điều 15 của Luật Giá.

2. Trường hợp thực hiện bình ổn giá

a) Khi giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá có biến động bất thường xảy ra trong các trường hợp sau:

Giá mua hoặc giá bán trên thị trường tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý so với mức tăng hoặc giảm giá do tác động của các yếu tố hình thành giá được tính theo các chế độ chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc phương pháp tính giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Giá mua hoặc giá bán trên thị trường tăng hoặc giảm bất hợp lý trong các trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, địch họa, khủng hoảng kinh tế - tài chính, mất cân đối cung - cầu tạm thời.

b) Khi mặt bằng giá biến động làm ảnh hưởng đến ổn định kinh tế xã hội, gây tác động xấu đến sản xuất và đời sống nhân dân.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định áp dụng và thực hiện biện pháp bình ổn giá

a) Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện biện pháp bình ổn giá theo quy định của Luật giá, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ quản lý ngành liên quan; chủ động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

b) Trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp bình ổn giá theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

4. Phân công trách nhiệm trong việc thực hiện bình ổn giá

a) Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong tỉnh kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong tỉnh tổ chức thực hiện biện pháp bình ổn giá theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan khác có liên quan:

Thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ quản lý ngành; các biện pháp bình ổn giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công.

Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về bình ổn giá đối với các mặt hàng thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

Chủ động đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công theo quy định.

5. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá:

a) Thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chấp hành các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc bình ổn giá, quản lý Nhà nước về giá.

c) Khi cần thiết, theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải báo cáo: các yếu tố hình thành giá, giá thành, giá bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá.

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của Sở Tài chính, sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền.

Điều 9. Đăng ký giá

1. Trong thời gian Nhà nước áp dụng các biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thuộc thẩm quyền của địa phương thì các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh theo quy định phân cấp tiếp nhận đăng ký của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Biểu mẫu đăng ký giá:

Biểu mẫu đăng ký giá theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính và quy định của các bộ quản lý ngành.

Điều 10. kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền của địa phương thì các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh theo quy định phân cấp tiếp nhận kê khai của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Mẫu bản kê khai giá:

Mẫu văn bản kê khai giá theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính và quy định của các bộ quản lý ngành.

MỤC 4. HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 11. Hiệp thương giá

1. Hiệp thương giá thực hiện đối với hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 của Luật giá, cụ thể như sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

b) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.

2. Sở Tài chính chủ trì tổ chức hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh. Trong trường hợp bên mua và bên bán có trụ sở đóng tại tỉnh khác và hai bên cùng thống nhất đề nghị thì Sở Tài chính chủ trì hiệp thương; trường hợp không thống nhất được thì Sở Tài chính chủ trì hiệp thương khi bên bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

3. Thành phần tham gia hiệp thương giá

Thành phần tham gia hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ bao gồm: Sở Tài chính; đại diện bên mua, bên bán; đại diện của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của Sở Tài chính.

MỤC 5. KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 12. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Các trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá và hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại Điều 26 Luật giá, cụ thể như sau:

1. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau:

- a) Khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định bình ổn giá, định giá;
- b) Khi giá có biến động bất thường và theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá bao gồm:

- a) Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;
- b) Hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá;
- c) Hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Phân công trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan khác có liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh và hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

MỤC 6. THANH TRA GIÁ

Điều 13. Thanh tra chuyên ngành về giá

1. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trong phạm vi địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành về giá thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

3. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về thanh tra.

MỤC 7. NIÊM YẾT GIÁ

Điều 14. Nguyên tắc, địa điểm, cách thức thực hiện niêm yết giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Nam thực hiện niêm yết giá theo nguyên tắc:

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và mua, bán đúng giá niêm yết;

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và không được bán cao hơn hoặc mua thấp hơn giá niêm yết.

2. Địa điểm niêm yết giá và cách thức niêm yết giá thực hiện theo Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

MỤC 8. CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 15. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

CHƯƠNG III

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC GIÁ

Điều 16. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật giá.

2. Các tổ chức sản xuất, kinh doanh lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ có liên quan thuộc danh mục Nhà nước định giá nêu tại Điều 3 Quy định này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của cơ quan chủ quản và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn tỉnh Hà Nam sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá có trách nhiệm đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá theo quy định.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong quá trình thực hiện pháp luật về giá và Quy định này sẽ được khen thưởng theo pháp luật về thi đua, khen thưởng và các quy định hiện hành có liên quan; nếu có hành vi vi

phạm pháp luật về giá, vi phạm quy định này và các quy định khác có liên quan sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

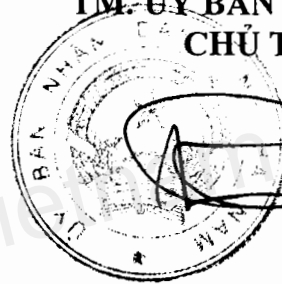
Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định tại Luật giá, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật giá và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quy định tại quy định này để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá tại địa phương.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông